

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2017/TLST-HN ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST – HNGĐ ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị L, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt)

Trú tại: Số nhà A, tổ B, thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

2. Bị đơn: Phan Thành C, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày: Chị L và anh Phan Thành C kết hôn vào năm 2009, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh B. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Chị L đã bỏ đi cách nay 02 năm và anh chị ly thân từ đó. Nay chị L xin ly hôn do không còn tình cảm với anh C.

Con chung: Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/3/2010, Phan Quỳnh H, sinh ngày 06/03/2011 hiện hai cháu đang sống với anh C. Nay chị L để hai con cho anh C nuôi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 anh Phan Thành C trình bày: Thời gian và điều kiện đến hôn nhân như chị L trình bày. Anh C và chị L sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đã ly thân cách nay 02 năm. Nay anh C đồng ý ly hôn với chị L. Con chung: Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/3/2010, Phan Quỳnh H, sinh ngày 06/03/2011 anh C yêu cầu được nuôi con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/cháu. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Cháu Phan Quỳnh N trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng được sống với cha.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị L. Chị L được ly hôn với anh C, con chung của anh chị là Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/3/2010 và Phan Quỳnh H, sinh ngày 06/3/2011 sẽ do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Phan Thành C có nơi cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Nội dung vụ án:

Chị Trương Thị L và anh Phan Thành C kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị L, chị L cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Chị L và anh C đã ly thân

cách nay 02 năm. Anh Phan Thành C thì cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do kinh tế khó khăn vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh C cũng đồng ý ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C thì chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C là do anh C thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị L và anh C đều thuận tình ly hôn nên căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Con chung: Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/3/2010, Phan Quỳnh H, sinh ngày 06/03/2011 chị L để hai con cho anh C trực tiếp nuôi, anh C đồng ý nuôi hai con. Đây cũng là nguyện vọng của cháu N nên tòa ghi nhận. Anh chung yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con tháng 700.000 đồng/cháu. Hội đồng xét xử xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, anh C yêu cầu mức cấp dưỡng tháng 700.000 đồng/cháu là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tài sản chung: Chị Trương Thị L và anh Phan Thành C trình bày không có nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Trương Thị L và anh Phan Thành C trình bày không có nên không xem xét.

[6] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí cấp dưỡng nuôi con Trương Thị L phải nộp là 300.000 đồng.

Chị Trương Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do đi làm xa nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Anh Phan Thành C xin vắng mặt do sức khỏe nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị L.

Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Phan Thành C.

2. Về nuôi con chung: Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/3/2010, Phan Quỳnh H, sinh ngày 06/3/2011 anh Ch trực tiếp nuôi cháu N, cháu H, chị L phải cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2017 đến khi cháu N, cháu H tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Trương Thị L và anh Phan Thành C trình bày không có nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Trương Thị L và anh Phan Thành C trình bày không có nên không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008591 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc. Án phí cấp dưỡng nuôi con chị L phải nộp là 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đặc bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy